

Số: 185 /KH-UBND

Bình Phước, ngày 23 tháng 8 năm 2018

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện Chương trình hành động nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) Bình Phước năm 2018

Căn cứ Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo;

Căn cứ Quyết định số 2454/QĐ-UBND ngày 12/11/2008 của UBND tỉnh ban hành Chương trình hành động nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) Bình Phước;

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) Bình Phước năm 2018, gắn liền với triển khai thực hiện Nghị quyết 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo, cụ thể như sau:

## I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

### 1. Mục đích

- Tăng cường công tác xây dựng, tạo lập môi trường kinh doanh và đầu tư của tỉnh thực sự thông thoáng, minh bạch và thuận lợi nhằm thu hút sự tham gia đầu tư, sản xuất kinh doanh của mọi thành phần kinh tế.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, điều chỉnh, thay đổi, ban hành mới những cơ chế, chính sách cần thiết và phù hợp để cải thiện chất lượng điều hành kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) trong năm 2018 và những năm tiếp theo.

- Cải thiện tích cực 10 chỉ số thành phần PCI, phấn đấu điểm số PCI năm 2018 đạt từ 59 điểm trở lên và nâng vị trí xếp hạng đứng thứ 53-55/63 tỉnh, thành của cả nước, tăng từ 7 - 9 bậc (so với cả nước theo bảng xếp hạng do VCCI công bố); khắc phục ngay các chỉ số thành phần còn thấp và giảm điểm trong năm 2017 như: Thiết chế pháp lý; Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp; Cạnh tranh bình đẳng; Chi phí thời gian thực hiện các quy định của nhà nước; Đào tạo lao động; Chi phí không chính thức; Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất. Tiếp tục phát huy kết quả đạt được trong năm 2017 đối với các chỉ số có thành phần chỉ số tăng điểm như: Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh (tăng 16 bậc); Chi phí



gia nhập thị trường (tăng 10 bậc); Tính minh bạch và tiếp cận thông tin (tăng 5 bậc).

## **2. Yêu cầu**

- Quán triệt tư tưởng, nhận thức để tạo sự chuyên biến mạnh trong đội ngũ cán bộ, công chức về thái độ, trách nhiệm, tác phong thực hiện công vụ. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, thái độ phục vụ người dân, doanh nghiệp thân thiện, trách nhiệm.

- Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các ngành, các cấp trong việc cải thiện các chỉ số thành phần của chỉ số PCI.

- Việc cải thiện điểm số và xếp hạng mỗi chỉ số thành phần của chỉ số PCI được giao cho một đơn vị là đầu mối, chủ trì theo dõi tổng hợp; các đơn vị khác phối hợp thực hiện. Các đơn vị chủ trì có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể. Các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp tốt với đơn vị chủ trì và chịu trách nhiệm về các chỉ tiêu thành phần thuộc lĩnh vực của cấp, ngành mình phụ trách.

## **II. NỘI DUNG VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ**

### **1. Tập trung khắc phục các chỉ số giảm thứ hạng năm 2017**

#### **1.1. Chỉ số "Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự"**

Năm 2018 phấn đấu nâng xếp hạng chỉ số đứng thứ 53/63 tỉnh, thành (*năm 2017 đứng thứ 62/63 tỉnh, thành*)

a) Sở Tư pháp là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm chính thực hiện, theo dõi, đánh giá tổng hợp; các cơ quan phối hợp thực hiện như: Thanh tra tỉnh, Tòa án tỉnh, Cục Thi hành án tỉnh, Công an tỉnh, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã....

b) Tòa án nhân dân các cấp tập trung giải quyết những tranh chấp trong thực hiện hợp đồng kinh tế giữa các doanh nghiệp; xử lý nghiêm cán bộ, công chức tham nhũng, những nhiều để tạo lòng tin cho các doanh nghiệp. Có cơ chế giám sát và kiểm tra định kỳ để bảo đảm mọi khiếu kiện đều được ghi nhận và trả lời cho doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.

c) Sở Tư pháp nâng cao chất lượng thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật; chủ trì tổ chức thực hiện kế hoạch trợ giúp pháp lý cho doanh nghiệp; đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa các hoạt động hỗ trợ pháp lý trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, chất lượng hoạt động xét xử các loại vụ án, đẩy nhanh tiến độ thi hành án dân sự để doanh nghiệp tin tưởng vào sự bảo vệ của pháp luật, qua đó doanh nghiệp tăng cường lựa chọn tòa án và trọng tài để giải quyết các tranh chấp về kinh tế.

d) Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã có cơ chế giám sát và kiểm tra định kỳ để bảo đảm các phản ánh, khiếu kiện đều được ghi nhận và trả lời cho doanh nghiệp.

## 1.2. Chỉ số “Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp”

Năm 2018, phấn đấu nâng xếp hạng chỉ số đứng thứ 52/63 tỉnh, thành (năm 2017. đứng thứ 61/63 tỉnh, thành).

a) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm chính thực hiện, theo dõi, đánh giá tổng hợp; các cơ quan phối hợp thực hiện như: Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tư pháp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Cục thuế tỉnh, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Bình Phước, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch, UBND các huyện, thị xã, các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh...

- Nhiệm vụ chung của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã là rà soát và thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp; đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính; hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực; hỗ trợ xúc tiến đầu tư, thương mại, tiếp cận đất đai, tiếp cận vốn, tìm kiếm thị trường... Từng bước xã hội hóa, tư nhân hóa các dịch vụ công theo quy định. Nghiên cứu, ban hành chính sách khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp. Sắp xếp hợp lý các đơn vị sự nghiệp công lập để hoạt động hiệu quả hơn.

- Chủ trì, tổng hợp các kiến nghị và trả lời kiến nghị của doanh nghiệp. Tham mưu để UBND tỉnh tổ chức gặp mặt, đối thoại doanh nghiệp theo định kỳ nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Đặc biệt, chú trọng công tác trả lời và công khai hóa kết quả xử lý các kiến nghị của doanh nghiệp trên nhiều kênh thông tin.

b) Sở Công Thương tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn phổ biến kiến thức về hội nhập quốc tế, về chính sách liên quan hội nhập, cam kết hội nhập quốc tế, nhất là trong khuôn khổ Cộng đồng ASEAN và các Hiệp định thương mại tự do (FTA), Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) cho các doanh nghiệp, đơn vị liên quan; nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về các rào cản thương mại,... để các doanh nghiệp nắm bắt cơ hội và vượt qua những thách thức trong giai đoạn hội nhập sâu rộng. Bên cạnh đó chủ trì, phối hợp cùng các Sở, ban, ngành tăng cường các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại, nâng cao các hoạt động dịch vụ du lịch.

c) Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng và đổi mới nội dung, hình thức, biện pháp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp như: Tổ chức tuyên truyền pháp luật kết hợp với tư vấn, giải đáp các khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp....

d) Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, các Hội doanh nghiệp tiếp tục nâng cao năng lực hiệu quả hoạt động, đặc biệt là công tác phát triển hội viên và phát triển các thành viên tập thể. Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh phối hợp với các Sở, ban,

ngành thực hiện các giải pháp phát triển đội ngũ doanh nghiệp, doanh nhân thực chất thông qua các hoạt động phối hợp, cung cấp thông tin chính sách pháp luật của nhà nước; triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, chủ động đề xuất các nội dung và chương trình đối thoại với các cơ quan; phối hợp quảng bá thông tin và phản hồi hiệu quả của các chương trình, chính sách của nhà nước, hỗ trợ cho doanh nghiệp vay vốn tại ngân hàng. Tăng cường phát triển các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hỗ trợ kinh doanh trên nhiều lĩnh vực.

### **1.3. Chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng”**

Năm 2018, phần đầu nâng xếp hạng chỉ số đứng thứ 48/63 tỉnh, thành (năm 2017 đứng thứ 57/63 tỉnh, thành).

a) Giao Văn phòng UBND tỉnh là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm chính thực hiện, theo dõi, đánh giá tổng hợp; các cơ quan phối hợp thực hiện như: Thanh tra tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Công an tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế, Cục thuế tỉnh, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Bình Phước và các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh...

b) Nhiệm vụ chung của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã.

- Tạo môi trường, điều kiện bình đẳng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Bên cạnh đó cần thể hiện sự bình đẳng trong các lĩnh vực: tiếp cận đất đai, tiếp cận các khoản tín dụng, cấp phép khai thác khoáng sản, các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước. Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã cần xây dựng môi trường đầu tư thân thiện, lành mạnh, công bằng, công khai, minh bạch các cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính để mọi thành phần kinh tế dễ tiếp cận, thực hiện. Thường xuyên rà soát lại các chính sách đã ban hành, cập nhật những cơ chế mới của Trung ương; minh bạch trong việc thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của nhà nước...; đảm bảo sự bình đẳng giữa doanh nghiệp trong các thành phần kinh tế. Có chính sách phù hợp để phát triển kinh tế dân doanh của địa phương.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện sự bình đẳng, công bằng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong tiếp cận và thụ hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, tiếp cận đất đai, tín dụng; bình đẳng trong giải quyết các vấn đề, khó khăn cho doanh nghiệp trong nước và ngoài nước; tổ chức thực hiện tốt các quy định của pháp luật về đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất; đầu tư theo hình thức hợp tác công tư đảm bảo công khai, minh bạch; chủ động phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Bình Phước xem xét giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quan hệ tín dụng giữa doanh nghiệp và ngân hàng.

c) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai, giám sát và đảm bảo hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển Bình Phước, Quỹ Khởi nghiệp, hỗ trợ chính sách cho doanh nghiệp vay vốn tại ngân hàng. Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động thu giá dịch vụ, thu phí, đặc biệt là hoạt động

thu phí sử dụng bến bãi đối với phương tiện vận tải chở hàng hóa ra vào khu vực cửa khẩu, chợ biên giới trên địa bàn tỉnh.

d) Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Bình Phước.

- Bám sát chủ trương, chỉ đạo của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc hỗ trợ doanh nghiệp, tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách tín dụng ngân hàng; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quan hệ tín dụng giữa doanh nghiệp với ngân hàng; tạo điều kiện thuận lợi cho các loại hình doanh nghiệp bình đẳng trong việc tiếp cận tín dụng ngân hàng. Tăng cường thanh tra, giám sát để chấn chỉnh các tồn tại, thiếu sót trong hoạt động tín dụng ngân hàng trên địa bàn tỉnh.

đ) Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, các Hội thực hiện tốt công tác phát triển thành viên, hội viên, đặc biệt khối doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, khối kinh tế hộ gia đình và hợp tác xã cũng như các doanh nghiệp mới thành lập, phát huy vai trò là tiếng nói của doanh nghiệp và cầu nối giữa các doanh nghiệp với các cơ quan quản lý nhà nước. Tham gia tích cực trong việc phản biện các chính sách, cải cách thủ tục hành chính của tỉnh. Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp thành viên trong Hiệp hội định kỳ hằng tháng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp chuyển các cơ quan giải quyết theo thẩm quyền.

e) Công an tỉnh: Chỉ đạo các phòng ban chuyên môn xử lý nghiêm những doanh nghiệp vi phạm pháp luật, buôn lậu, trốn thuế, buôn bán hàng cấm, hàng giả, gian lận thương mại, vi phạm pháp luật về môi trường... để bảo đảm sự bình đẳng và quyền lợi của các doanh nghiệp chân chính; không hình sự hóa quan hệ kinh tế, dân sự theo Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ.

#### **1.4. Chỉ số “Chi phí thời gian thực hiện các quy định của Nhà nước”**

Năm 2018 phấn đấu, nâng xếp hạng chỉ số đứng thứ 44/63 tỉnh, thành (*năm 2017 đứng thứ 53/63 tỉnh, thành*).

a) Giao Giám đốc các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND huyện, thị xã tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm theo nhiệm vụ được giao.

b) Văn phòng UBND tỉnh chỉ đạo Trung tâm Hành chính công tiếp tục việc giảm chi phí thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước cho doanh nghiệp. Thực hiện nghiêm quy định của UBND tỉnh về ban hành quy trình giải quyết thủ tục hành chính, giảm thời gian cho doanh nghiệp. Tiếp tục rà soát, loại bỏ, chỉnh sửa các thủ tục hành chính không còn phù hợp gây phiền hà cho doanh nghiệp.

c) Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã rà soát, giảm thời gian, thủ tục hành chính của đơn vị để có bước đột phá trong giải quyết thủ tục hành chính so với quy định. Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết, lãnh đạo cơ quan có văn bản gửi cá nhân, tổ chức trong đó nêu rõ lý do quá hạn và thời gian trả kết quả lần sau.

d) Thanh tra tỉnh và Thanh tra các Sở, ngành, Thanh tra các huyện, thị xã phối hợp chặt chẽ, thống nhất chương trình thanh tra hằng năm đối với doanh nghiệp, mỗi năm một doanh nghiệp chỉ phải tiếp, làm việc với một đoàn thanh tra trừ trường hợp thanh tra đột xuất khi doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Giảm phiền hà và gánh nặng thanh tra, kiểm tra cho doanh nghiệp; thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp theo đúng các văn bản chỉ đạo của tỉnh. Bên cạnh đó, Thanh tra tỉnh chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan, nghiên cứu xây dựng phần mềm quản lý về công tác thanh tra, kiểm tra, nhằm hạn chế tối đa việc thanh tra, kiểm tra trùng lặp tại doanh nghiệp; việc thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp không quá 01 lần/năm theo Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp (*trừ trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm rõ ràng*). Hoàn thành trong tháng 10 năm 2018.

e) Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan, Bảo hiểm xã hội, Công ty Điện lực Bình Phước,... tập trung chỉ đạo rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp, hướng tới đạt những chỉ tiêu đề ra theo Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ.

f) Công an tỉnh:

- Công bố quy trình đăng ký cấp phép ngành nghề kinh doanh có điều kiện thuộc phạm vi chức năng của Công an tỉnh theo hướng tinh giảm, rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân và doanh nghiệp.

- Chỉ đạo Phòng Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh tổ chức rà soát, chuẩn hóa các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng của Cảnh sát PCCC tỉnh theo hướng tinh giảm, rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân và doanh nghiệp.

### **1.5. Chỉ số “Đào tạo lao động”**

Năm 2018 phấn đấu nâng xếp hạng chỉ số đứng thứ 43/63 tỉnh, thành (*năm 2017 đứng thứ 52/63 tỉnh, thành*).

a) Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm chính thực hiện, theo dõi, đánh giá tổng hợp; các cơ quan phối hợp thực hiện như: Sở Giáo dục và Đào tạo và các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, các Hội, Hiệp Hội doanh nghiệp tỉnh...

b) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, định hướng học nghề cho người lao động. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo giáo dục nghề nghiệp tại các trường dạy nghề, trường cao đẳng, trung cấp nghề đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp. Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập và thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ học nghề. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Kế hoạch và Đầu tư khuyến khích đầu tư vào trường dạy nghề và đào

tạo kỹ năng chuyên môn theo nhu cầu của doanh nghiệp và phối hợp với các chương trình thực nghiệp.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng tốt nhu cầu của doanh nghiệp. Triển khai có hiệu quả các đề án về đào tạo nhân lực chất lượng cao, nâng cao chất lượng đào tạo của các trường, trung tâm dạy nghề gắn với nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp và các khu công nghiệp; kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác đào tạo và tuyển dụng. Khuyến khích xã hội hóa, tư nhân hóa lĩnh vực đào tạo nghề, dịch vụ giới thiệu việc làm, từng bước xây dựng thị trường lao động...

- Tổ chức điều tra, đánh giá tình hình thực tế lao động của tỉnh, rà soát, đánh giá chất lượng các trường, cơ sở dạy nghề, tham mưu đề xuất các giải pháp thực hiện phù hợp với nhu cầu thực tế lao động của tỉnh.

c) Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh làm tốt công tác giáo dục hướng nghiệp cho học sinh, giúp học sinh hiểu được hệ thống nghề nghiệp trong xã hội để chủ động lựa chọn nghề nghiệp cho phù hợp; Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện, thị thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông - đào tạo nghề.

#### **1.6. Chỉ số “Chi phí không chính thức”**

Năm 2018 phấn đấu nâng xếp hạng chỉ số đứng thứ 34/63 tỉnh, thành (năm 2017 đứng thứ 43/63 tỉnh, thành).

a) Giao Giám đốc các Sở, ban, ngành, chủ tịch UBND huyện, thị xã tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm theo nhiệm vụ được giao.

b) Thanh tra tỉnh phối hợp với Sở Nội vụ.

- Chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu quả sử dụng thời gian làm việc của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan. Kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức có thái độ hách dịch, nhũng nhiễu, gây khó khăn, phiền hà, từ chối các yêu cầu đúng quy định của các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân liên quan.

- Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thực hiện có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, UBND tỉnh trong việc thực hiện cơ chế một cửa và một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước.

c) Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã.

- Công khai thông tin đường dây nóng tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính. Thông báo công khai hằng tuần thông tin tiếp nhận và kết quả phản hồi qua đường dây nóng của các đơn vị.

- Công khai, minh bạch các chủ trương, chính sách, thủ tục hành chính để đảm bảo cho người dân và doanh nghiệp chỉ phải thực hiện những yêu cầu đúng như đã được niêm yết công khai.

- Đẩy mạnh minh bạch hóa, công khai hóa các hoạt động mua sắm công, đấu thầu theo quy định của pháp luật.

- Chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức về thái độ, trình độ, nhận thức và kỹ năng để đáp ứng nhu cầu công việc trong hướng dẫn, xử lý hồ sơ cho người dân, doanh nghiệp.

- Có cơ chế kiểm tra, giám sát các bộ phận liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính. Xử lý nghiêm những cá nhân, đơn vị có những hành vi kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ, gây phiền hà, nhũng nhiễu, thái độ cửa quyền, hách dịch đối với người dân và doanh nghiệp.

- Thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch phòng chống tham nhũng và có báo cáo định kỳ theo quy định về kết quả thực hiện.

### **1.7. Chỉ số “Tiếp cận đất đai”**

Năm 2018 phấn đấu nâng xếp hạng chỉ số đứng thứ 20/63 tỉnh, thành (năm 2017 đứng thứ 29/63 tỉnh, thành)

a) Giao Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm chính thực hiện, theo dõi, đánh giá tổng hợp; các cơ quan phối hợp thực hiện như: Sở Nội vụ, Thanh tra tỉnh, Sở Xây dựng, Ban Quản lý khu kinh tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và PTNT, Cục Thuế tỉnh các cơ quan liên quan, UBND các huyện, thị xã...

b) Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Lập danh mục các dự án phải thu hồi đất, các dự án có sử dụng đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, mức vốn ngân sách cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh; đề xuất, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Hoàn thành việc thẩm định các hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, phê duyệt giá đất cụ thể đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng. Tập trung cùng các huyện, thị xã tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các dự án lớn, trọng điểm của tỉnh.

- Phối hợp với Sở Nội vụ và Thanh tra tỉnh xây dựng cơ chế và triển khai công tác giám sát chất lượng và thái độ công vụ của công chức và cán bộ, yêu cầu giảm mạnh tỷ lệ doanh nghiệp phàn nàn tình trạng trả chi phí không chính thức trong thủ tục hành chính đất đai hướng tới mục tiêu trung vị của cả nước.

c) Sở Xây dựng tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc công bố công khai quy hoạch cho các tổ chức, doanh nghiệp biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện quy hoạch. Tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin quy hoạch giữa Sở Xây dựng và các huyện, thị.

d) Sở Tài nguyên và Môi trường, phối hợp với các đơn vị có liên quan.

- Xây dựng quy trình tiếp nhận và giải quyết kịp thời các hồ sơ về xác định đơn giá cho thuê đất, hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với các dự án đầu tư.



- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành quy định về luân chuyển hồ sơ, thủ tục để thực hiện nghĩa vụ tài chính có liên quan đến đất đai.

e) UBND các huyện, thị xã.

- Công khai quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất trong giai đoạn 2015 - 2020 trên Cổng thông tin điện tử của huyện, thị, tại trụ sở UBND các huyện, thị và các hình thức công khai khác nhằm minh bạch hóa việc tiếp cận nguồn lực đất đai, mặt bằng sản xuất, làm cơ sở cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

- Rà soát, thống kê và đề xuất thu hồi hoặc thu hồi đất (theo thẩm quyền) của các dự án không triển khai theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường vai trò các Trung tâm Phát triển Quỹ đất cấp huyện, thị xã nhằm đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng cho doanh nghiệp triển khai thực hiện dự án cũng như tạo nhiều quỹ đất sạch có sẵn để nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận.

## **2. Duy trì, cải thiện các chỉ số thành phần tăng thứ hạng trong năm 2017**

### **2.1. Chỉ số “Tính minh bạch”**

Năm 2018, nâng xếp hạng chỉ số đứng thứ 20/63 tỉnh, thành (năm 2017. đứng thứ 26/63 tỉnh, thành).

a) Giao Giám đốc các Sở, ban, ngành, chủ tịch UBND huyện, thị xã tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm theo nhiệm vụ được giao.

b) Nhiệm vụ chung của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh.

- Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước; phát triển hạ tầng bưu chính viễn thông theo hướng hiện đại, đa dạng các loại hình dịch vụ và nghiên cứu, phát triển các dịch vụ công nghệ thông tin; tăng cường quản lý, bảo mật thông tin trên mạng.

- Nâng cao chất lượng các Website cung cấp thông tin chính sách, hoạt động của cơ quan nhà nước, chú trọng tiếp nhận, thông tin hai chiều giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp, người dân; coi trọng giải đáp các ý kiến phản ánh và công khai trên Website; tổ chức đối thoại trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử tỉnh; đánh giá chất lượng cán bộ “một cửa” và dịch vụ công trực tuyến,...

- Duy trì, nâng cao chất lượng Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp để công khai, minh bạch các quy hoạch, các chủ trương, các thủ tục hành chính liên quan tới doanh nghiệp; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, chuyên đề,... tuyên truyền sâu rộng về mục đích, ý nghĩa, mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp cải thiện, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh.

- Công khai minh bạch các chính sách hỗ trợ với cộng đồng doanh nghiệp thông qua các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh: Công bố tài liệu về quy hoạch, kế



hoạch, tài liệu ngân sách, thủ tục hành chính đã được phê duyệt. Các cơ quan chủ trì xây dựng cơ chế, chính sách phối hợp với Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh lấy ý kiến doanh nghiệp bằng hình thức phù hợp trong việc tham gia xây dựng cơ chế, chính sách của tỉnh. Công khai hóa các kết quả, kết luận xử lý các trường hợp khiếu nại và ý kiến của doanh nghiệp trên các phương tiện truyền thông và báo chí.

## **2.2. Chỉ số “Gia nhập thị trường”**

Năm 2018, nâng xếp hạng chỉ số đứng thứ 20/63 tỉnh, thành (năm 2017 đứng thứ 24/63 tỉnh, thành).

a) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm chính thực hiện, theo dõi, đánh giá tổng hợp và các cơ quan phối hợp thực hiện: Cục thuế tỉnh, Công an tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Y tế, Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Ban quản lý khu kinh tế, Trung tâm Hành chính công tỉnh và các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã...

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Hành chính công của tỉnh).

- Hoàn thiện quy trình, thủ tục hành chính, công khai minh bạch thủ tục hành chính trong giải quyết hồ sơ đăng ký doanh nghiệp; khắc phục tình trạng chậm trễ trong giải quyết chủ trương đầu tư của doanh nghiệp. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan để thực hiện tốt cơ chế “một cửa liên thông”, “một cửa điện tử” trong đăng ký kinh doanh, điều kiện kinh doanh; đẩy mạnh việc đăng ký doanh nghiệp trực tuyến qua mạng nhằm rút ngắn thời gian, giảm phiền hà cho doanh nghiệp; duy trì định kỳ hàng tháng gặp gỡ, đối thoại doanh nghiệp, giải quyết kịp thời vướng mắc cho các doanh nghiệp, đồng thời tăng cường công tác phúc kiểm sau đăng ký kinh doanh. Đẩy nhanh tiến độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến so với kế hoạch được duyệt. Duy trì tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện kê khai thuế và nộp thuế điện tử đạt 100%.

- Phối hợp với Cục Thuế tỉnh, các cơ quan liên quan hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện các thủ tục sau khi đăng ký thành lập (kê khai, đăng ký nộp thuế; điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện,...), đảm bảo tỷ lệ dưới 5% doanh nghiệp phải chờ hơn một tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức đi vào hoạt động.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục thực hiện các biện pháp đẩy mạnh công tác kê khai trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản. Đôn đốc kê khai, giảm số ngày chờ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đẩy nhanh tiến độ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất do tổ chức kinh tế quản lý, sử dụng; các thửa đất mà các hộ gia đình chưa thực hiện kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thị xã.

## **2.3. Chỉ số “Tính năng động của chính quyền tỉnh”**

Năm 2018, nâng xếp hạng chỉ số đứng thứ 30/63 tỉnh, thành (năm 2017 đứng thứ 35/63 tỉnh, thành).

a) Lãnh đạo UBND tỉnh, thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã chịu trách nhiệm chính cho chỉ số này.

- Phát huy tính năng động, tiên phong của lãnh đạo các cấp, các ngành, đề cao tinh thần, thái độ hỗ trợ, tạo cho doanh nghiệp, nhà đầu tư cảm nhận đến địa phương như thực sự được trở về nhà mình. Chủ động, linh hoạt trong quản lý điều hành phù hợp với khuôn khổ pháp luật, nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp. Kịp thời giải quyết khó khăn, những vấn đề mới phát sinh, và các vấn đề chưa rõ trong các quyết định, chính sách của Nhà nước. Các ngành, địa phương phải thực hiện đầy đủ kịp thời những chủ trương, chính sách, quyết định của Nhà nước đã ban hành; đảm bảo hiệu lực, hiệu quả trong quản lý Nhà nước.

- Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã triển khai có hiệu quả các chương trình, chính sách phát triển kinh tế tư nhân, các giải pháp hỗ trợ phát triển doanh nghiệp; tạo sự tin tưởng của cộng đồng doanh nghiệp với sự lãnh đạo, chỉ đạo của chính quyền tỉnh.

b) Giao các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã chủ động tham mưu UBND tỉnh các giải pháp chỉ đạo nhằm tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động; thường xuyên tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp để kịp thời giải quyết, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, giải quyết đối với các nội dung vượt thẩm quyền. Định kỳ, tổ chức đối thoại với doanh nghiệp bằng nhiều hình thức phong phú để lắng nghe ý kiến phản hồi của doanh nghiệp, qua đó xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Yêu cầu tất các đơn vị phải có phản hồi chính thức với doanh nghiệp và kết hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo và thông tin kịp thời.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện chế độ khảo sát về sự hài lòng của doanh nghiệp đối với cơ quan quản lý nhà nước. Sở Nội vụ kiểm tra thực hiện kỷ cương, kỷ luật hành chính đối với các cơ quan, đơn vị theo chức năng, thẩm quyền.

d) Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh chủ động đề xuất các biện pháp tăng cường đối thoại thực chất với các cơ quan, chủ động đề xuất các buổi đối thoại, tham vấn theo chủ đề, theo nhóm doanh nghiệp đặc thù.

e) Sở Thông tin và Truyền thông, Đài phát thanh và Truyền hình, Báo Bình Phước chủ động xây dựng các chương trình truyền thông định kỳ thông báo kịp thời các nội dung và kết quả chương trình đối thoại giữa các cơ quan, đơn vị với người dân, doanh nghiệp

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao khẩn trương chỉ đạo, tổ chức xây dựng kế hoạch



triển khai thực hiện cụ thể tại đơn vị và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện của đơn vị mình, phát huy những điểm mạnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh PCI năm 2018.

2. Các cơ quan được giao làm đơn vị đầu mối theo dõi, tổng hợp các chỉ số thành phần tại Kế hoạch này, chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai đồng bộ tại tất cả các đơn vị, đồng thời có trách nhiệm theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện tại các cơ quan theo định kỳ hàng quý. Tổng hợp, báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các nội dung của đơn vị đầu mối theo định kỳ 06 tháng (trước ngày 20/6 hàng năm) và báo cáo năm (trước ngày 10/01 năm sau), gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp chung, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 25/01.

- Báo cáo được gửi về: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Địa chỉ: Số 626, Quốc lộ 14, phường Tân Phú, thị xã Đông Xoài, tỉnh Bình Phước. Điện thoại: 02713.867.345.

3. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Bình Phước chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền Kế hoạch này gắn với Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018, định hướng đến năm 2020. Tạo đồng thuận trong xã hội về ý thức, trách nhiệm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh là tạo động lực phát triển toàn diện các mặt kinh tế- xã hội của tỉnh.

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện Kế hoạch này./.

**Nơi nhận:**

- TTTU, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã
- Tổ trưởng Tổ công tác PCI;
- Các thành viên Tổ công tác PCI;
- Phòng TM&CN Việt Nam (phối hợp);
- Trung tâm TGPT DNNVV;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT.



*Nguyễn Văn Trâm*



# I. CÁC CHỈ TIÊU THUỘC CHỈ SỐ "CHI PHÍ GIA NHẬP THỊ TRƯỜNG"

Chủ trì: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư

(Kèm theo Kế hoạch số 195/KH-UBND ngày 23/ 8 /2018 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu đánh giá	Giá trị 2017	Dự kiến thực hiện năm 2018	Các đơn vị thực hiện	Ghi chú
1	Số ngày đăng ký doanh nghiệp (trung vị)	3	3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
2	Số ngày thay đổi ĐKDN (trung vị)	2.5	2.5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
3	Phải chờ hơn 1 tháng hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động(% DN)	12	10	Các sở, ngành có liên quan	
4	Phải chờ hơn 3 tháng hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động(% DN)	3	3	Các sở, ngành có liên quan	
5	Tỉ lệ DN làm thủ tục ĐKDN qua phương thức mới (trực tuyến, TTHCC, bưu điện(%))	17	25	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
6	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Thủ tục được niêm yết công khai(%)	81	85	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
7	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ hướng dẫn rõ ràng, đầy đủ(%)	87	90	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
8	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ am hiểu chuyên môn(%)	77	80	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
9	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ nhiệt tình, thân thiện(%)	74	80	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
10	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Ứng dụng CNTT tốt (%)	53	65	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
11	Không có GCNQSDĐ do lo ngại TTHC rườm rà/cán bộ nhũng nhiễu (%)	14	8	Sở Tài nguyên và Môi trường	

## II. CÁC CHỈ TIÊU THUỘC CHỈ SỐ "TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI"

Chủ trì: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường  
(Kèm theo Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 13/ 8 /2018 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu đánh giá	Giá trị 2017	Dự kiến thực hiện năm 2018	Các đơn vị thực hiện	Ghi chú
1	Ti lệ DN có mặt bằng kinh doanh và có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (%)	60	65	Sở Tài nguyên và Môi trường	
2	Số ngày chờ đợi để được cấp GCNQSDĐ (trung vị)	30	25	Sở Tài nguyên và Môi trường	
3	DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1=Rất cao; 5=Rất thấp)	1.56	3	Sở Tài nguyên và Môi trường	
4	DN không gặp cản trở về tiếp cận/mở rộng mặt bằng kinh doanh (%)	23	30	Sở Tài nguyên và Môi trường	
5	Khó khăn về thiếu quỹ đất sạch(%)	11	8	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã	
6	Giải phóng mặt bằng chậm (%)	11	8	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã	
7	Việc cung cấp thông tin về đất đai không thuận lợi, nhanh chóng(%)	24	20	Sở Tài nguyên và Môi trường	
8	Nếu bị thu hồi đất, DN sẽ được bồi thường thỏa đáng (% luôn luôn/nhiều khả năng)	31	35	Sở Tài nguyên và Môi trường	
9	Thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với thay đổi giá thị trường (% Đồng ý)	67	75	Sở Tài nguyên và Môi trường	
10	DN thực hiện TTHC đất đai trong vòng 2 năm qua không gặp khó khăn (%)	21	25	Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Hành chính công	
11	Không có GCNQSDĐ do lo ngại TTHC rườm rà/cán bộ nhũng nhiễu (%)	14	8	Sở Tài nguyên và Môi trường	

### III. CÁC CHỈ TIÊU THUỘC CHỈ SỐ "TÍNH MINH BẠCH"

Chủ trì: Giám đốc các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã  
(Kèm theo Kế hoạch số 1857/KH-UBND ngày 23/ 8 /2018 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu đánh giá	Giá trị 2017	Dự kiến thực hiện năm 2018	Các đơn vị thực hiện	Ghi chú
1	Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1=Rất dễ; 5=Không thể)	2.44	2	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	
2	Tiếp cận tài liệu pháp lý (1=Rất dễ; 5=Không thể)	3.02	2	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	
3	Các tài liệu về ngân sách đủ chi tiết để DN sử dụng cho hoạt động kinh doanh (%)	67	75	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	
4	Thông tin mời thầu được công khai(%)	34	40	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	
5	Tỉ lệ DN nhận được thông tin, văn bản sau khi đề nghị CQNN của tỉnh cung cấp (%)	74	80	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	
6	Số ngày để nhận được thông tin, văn bản sau khi đã đề nghị cung cấp (trung vị)	3	3	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	
7	Cần có 'mối quan hệ' để có được các tài liệu của tỉnh (%)	70	60	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	
8	'Thỏa thuận' khoản thuế phải nộp với CB thuế là công việc quan trọng(%)	44	40	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	
9	Dự liệu được việc thực thi của tỉnh đối với QĐPL của TW (% chắc chắn)	4	6	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	
10	Vai trò HHDN trong việc xây dựng chính sách, quy định của tỉnh (% lớn/rất lớn)	49	50	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	

11	Điểm số về độ mở và chất lượng trang web của tỉnh (Nhóm nghiên cứu PCI)	39.5	40	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	
12	Tỉ lệ DN truy cập vào website của tỉnh (%)	73	80	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	



#### IV. CÁC CHỈ TIÊU THUỘC CHỈ SỐ "CHI PHÍ THỜI GIAN"

Chủ trì : Giám đốc các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã  
(Kèm theo Kế hoạch số 185 /KH-UBND ngày 25/ 8 /2018 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu đánh giá	Giá trị 2017	Dự kiến thực hiện năm 2018	Các đơn vị thực hiện	Ghi chú
1	Tỉ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện QĐPL (%)	23	30	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	
2	CBCC giải quyết công việc hiệu quả (%)	75	80	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	
3	CBCC thân thiện (%)	75	80	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	
4	DN không phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục (%)	60	65	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	
5	Thủ tục giấy tờ đơn giản (%)	52	60	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	
6	Phí, lệ phí được niêm yết công khai (%)	88	90	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	
7	Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định(%)	59	65	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	
8	Tỉ lệ DN bị thanh, kiểm tra từ 5 cuộc trở lên trong năm(%)	15	7	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	
9	Nội dung thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%)	25	15	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	
10	Số giờ trung vị cho mỗi cuộc làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế	4	4	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	
11	Thanh, kiểm tra tạo cơ hội cho cán bộ những nhiều DN(%)	23	10	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	

## V. CÁC CHỈ TIÊU THUỘC CHỈ SỐ "CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC"

Chủ trì: Giám đốc các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã  
(Kèm theo Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 23/ 8 /2018 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu đánh giá	Giá trị 2017	Dự kiến thực hiện năm 2018	Các đơn vị thực hiện	Ghi chú
1	Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản CPKCT (% Đồng ý)	55	50	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	
2	Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi trả CPKCT (%luôn luôn/hầu hết)	73	60	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	
3	Tình trạng những nhiễu khi giải quyết TTHC cho DN là phổ biến (% Đồng ý)	65	50	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	
4	Các khoản CPKCT ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	84	84	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	
5	Tỉ lệ DN có chi trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra(%)	55	50	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	
6	Tỉ lệ DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại CPKCT (%)	14	10	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	
7	Tỉ lệ DN có chi trả CPKCT trong thực hiện TTHC đắt đại(%)	27	20	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	
8	Chi trả CPKCT là điều bắt buộc để đảm bảo trúng thầu (% Đồng ý)	63	50	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	
9	DN lo ngại tình trạng 'chạy án' là phổ biến (%)	39	30	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	

## VI. CÁC CHỈ TIÊU THUỘC CHỈ SỐ "CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG"

**Chủ trì: Chánh Văn phòng UBND tỉnh**

(Kèm theo Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 24/8/2018 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu đánh giá	Giá trị 2017	Dự kiến thực hiện năm 2018	Các đơn vị thực hiện	Ghi chú
1	Việc tinh ưu ái cho các DNNN gây khó khăn cho DN" (% Đồng ý)	47	40	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	
2	DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% Đồng ý)	35	30	Ban quản lý Khu kinh tế và Sở Tài nguyên và Môi trường	
3	DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận các khoản vay (% Đồng ý)	34	30	Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước BP	
4	DNNN thuận lợi hơn trong cấp phép khai thác khoáng sản (% Đồng ý)	27	20	Sở Tài nguyên và Môi trường,	
5	DNNN thuận lợi hơn trong việc thực hiện các TTHC (% Đồng ý)	36	30	Trung tâm Hành chính công và các Sở, ban, ngành	
6	DNNN thuận lợi hơn trong việc có được các hợp đồng từ CQNN (% Đồng ý)	27	23	Ban Quản lý khu kinh tế và các Sở, ngành	
7	DN FDI được ưu tiên giải quyết các khó khăn hơn DN dân doanh (% Đồng ý)	50	45	Ban Quản lý khu kinh tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư	
8	Tính ưu tiên thu hút FDI hơn là phát triển khu vực tư nhân (% Đồng ý)	58	50	Ban Quản lý khu kinh tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư	
9	DN FDI thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% Đồng ý)	29	25	Ban Quản lý khu kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường,	
10	DN FDI có đặc quyền trong miễn/giảm thuế TNDN(% Đồng ý)	30	25	Ban Quản lý khu kinh tế, Cục thuế tỉnh	

11	DN FDI thuận lợi hơn trong thực hiện các TTHC (% Đồng ý)	26	20	Trung tâm Hành chính công và các Sở, ban, ngành	
12	DN FDI trong hoạt động nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn(% Đồng ý)	29	25	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	
13	Nguồn lực kinh doanh (hợp đồng, đất đai...) chủ yếu rơi vào DN thân quen CBCQ	75	70	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	
14	Ưu đãi DN lớn(nhà nước và tư nhân) là trở ngại cho bản thân DN (% Đồng ý)	52	50	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	

## VII. CÁC CHỈ TIÊU THUỘC CHỈ SỐ "TÍNH NĂNG ĐỘNG CỦA CHÍNH QUYỀN TỈNH"

**Chủ trì: Lãnh đạo UBND tỉnh, thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã**  
(Kèm theo Kế hoạch số 125/KH-UBND ngày 23/ 8 /2018 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu đánh giá	Giá trị 2017	Dự kiến thực hiện năm 2018	Các đơn vị thực hiện	Ghi chú
1	UBND tỉnh vận dụng PL linh hoạt nhằm tạo MTKD thuận lợi cho KTTN(%)	69	75	UBND tỉnh	
2	UBND tỉnh năng động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề mới phát sinh (%)	54	60	UBND tỉnh	
3	Thái độ của chính quyền tỉnh với khu vực KTTN là tích cực(%)	47	50	UBND tỉnh, các Sở, ngành và UBND huyện, thị xã	
4	Có sáng kiến hay ở cấp tỉnh, nhưng chưa được thực thi tốt ở các sở/ngành(%)	80	70	UBND tỉnh, các Sở, ngành và UBND huyện, thị xã	
5	Lãnh đạo tỉnh có chủ trương đúng, nhưng chưa được thực hiện tốt ở cấp huyện/thị (%)	67	60	UBND tỉnh, các Sở, ngành và UBND huyện, thị xã	
6	Khi CS,PL TW có điểm chưa rõ, CQ tỉnh thường “đợi xin ý kiến chỉ đạo”/“không làm gì cả”(%)	30	30	UBND tỉnh, các Sở, ngành và UBND huyện, thị xã	
7	Vướng mắc, khó khăn của DN được tháo gỡ kịp thời qua Đối thoại DN(%)	57	65	UBND tỉnh, các Sở, ngành và UBND huyện, thị xã	
8	DN nhận được phản hồi của CQNN tỉnh sau khi phản ánh khó khăn, vướng mắc(%)	97	99	UBND tỉnh, các Sở, ngành và UBND huyện, thị xã	
9	Tỉ lệ DN hài lòng với phản hồi/cách giải quyết của CQNN tỉnh(%)	85	90	UBND tỉnh, các Sở, ngành và UBND huyện, thị xã	

## VIII. CÁC CHỈ TIÊU THUỘC CHỈ SỐ "DỊCH VỤ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP"

Chủ trì: Giám đốc Sở Kế hoạch và đầu tư

(Kèm theo Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 23/ 8/2018 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu đánh giá	Giá trị 2017	Dự kiến thực hiện năm 2018	Các đơn vị thực hiện	Ghi chú
1	Số hội chợ thương mại do tỉnh tổ chức trong năm vừa qua (BCT)	9	9	Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch	
2	Tỉ lệ DN cung cấp DV (CCDV) trên tổng số DN (%; TCKT)	0.99	3	Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch và Trung tâm Hành chính công	
3	Tỉ lệ DN CCDV tư nhân và FDI trên tổng số DN CCDV (%; TCKT)	54	65	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
4	DN từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (TTTT) (%)	41	60	Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch	
5	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm TTTT(%)	61	65	Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch	
6	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm TTTT (%)	72	75	Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch	
7	DN từng sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật (TVPL) (%)	46	60	Sở Tư pháp	
8	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ TVPL (%)	42	50	Sở Tư pháp	
9	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ TVPL(%)	68	70	Sở Tư pháp	
10	DN từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm đối tác kinh doanh (ĐTKD)(%)	38	45	Sở Công Thương	
11	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm ĐTKD (%)	57	65	Sở Công Thương	

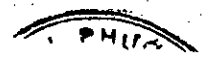
12	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm ĐTKD(%)	71	80	Sở Công Thương
13	DN từng sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (XTTM) (%)	43	50	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch
14	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ XTTM (%)	44	50	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch
15	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ XTTM(%)	56	60	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch
16	DN từng sử dụng dịch vụ liên quan tới công nghệ (%)	29	35	Sở Khoa học và Công nghệ
17	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ liên quan tới công nghệ (%)	100	100	Sở Khoa học và Công nghệ
18	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ liên quan tới công nghệ(%)	25	30	Sở Khoa học và Công nghệ
19	DN từng sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán, tài chính (KTTC)(%)	34	40	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch
20	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về KTTC (%)	69	75	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch
21	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về KTTC (%)	38	45	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch
22	DN từng sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (QTKD) (%)	36	40	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch
23	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về QTKD(%)	60	65	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch
24	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về QTKD(%)	50	60	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch

## IX. CÁC CHỈ TIÊU THUỘC CHỈ SỐ "ĐÀO TẠO LAO ĐỘNG"

Chủ trì: Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội  
(Kèm theo Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 23/8/2018 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu đánh giá	Giá trị 2017	Dự kiến thực hiện năm 2018	Các đơn vị thực hiện	Ghi chú
1	Tỉ lệ DN đánh giá Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng Tốt(%)	54	60	Sở Giáo dục và Đào tạo	
2	Tỉ lệ DN đánh giá Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng Tốt(%)	28	35	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	
3	DN từng sử dụng dịch vụ Giới thiệu việc làm (GTVL) tại tỉnh (%)	41	50	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	
4	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ GTVL (%)	73	75	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	
5	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ GTVL (%)	60	65	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	
6	Phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho Đào tạo lao động (%)	7.12	8	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	
7	Phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho Tuyển dụng lao động (%)	6.46	8	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	
8	Lao động tại tỉnh đáp ứng được nhu cầu sử dụng của DN (%)	89	95	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	
9	Tỉ lệ lao động qua đào tạo /số lao động chưa qua đào tạo(% , BLĐT BXH)	4	13	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	
10	Tỉ lệ lao động qua đào tạo trên tổng lực lượng lao động (% , BLĐT BXH)	6	8	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	
11	Tỉ lệ lao động qua đào tạo đang làm việc tại DN (%)	45	50	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	





## X. CÁC CHỈ TIÊU THUỘC CHỈ SỐ "THIẾT CHẾ PHÁP LÝ VÀ AN NINH TRẬT TỰ"

Chủ trì: Giám đốc Sở Tư pháp

(Kèm theo Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 13/ 8/2018 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu đánh giá	Giá trị 2017	Dự kiến thực hiện năm 2018	Các đơn vị thực hiện	Ghi chú
1	Tin tưởng HTPL sẽ đảm bảo quyền tài sản/thực thi hợp đồng của DN(%)	77	82	Tòa án tỉnh, Sở Tư pháp	
2	Hệ thống pháp luật (HTPL) có cơ chế giúp DN tố cáo cán bộ những nhiều(%)	28	30	Tòa án, Sở Tư pháp, Công an tỉnh	
3	Lãnh đạo tỉnh sẽ không bao che và nghiêm túc kỷ luật cán bộ những nhiều DN(%)	29	35	Tòa án tỉnh, Sở Nội vụ, Thanh tra tỉnh	
4	DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (%)	38	40	Tòa án tỉnh	
5	Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ việc kinh tế đúng pháp luật(%)	85	90	Tòa án tỉnh	
6	Phán quyết của Tòa án là công bằng (%)	74	80	Tòa án tỉnh	
7	Tòa án các cấp ở tỉnh xét xử vụ việc kinh tế nhanh chóng (%)	56	60	Thị hành án	
8	Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (%)	60	68	Tòa án tỉnh	
9	Các CQ trợ giúp pháp lý tại tỉnh hỗ trợ DN nhanh chóng để khởi kiện (%)	61	70	Sở Tư pháp	
10	Các chi phí chính thức và CPKCT là chấp nhận được khi GQTC qua Tòa án(%)	66	75	Tòa án tỉnh	
11	Số lượng vụ việc tranh chấp của DN dân doanh do Tòa án thụ lý/100 DN (TATC)	0	0	Tòa án tỉnh	
12	Tỉ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh/tổng số nguyên đơn tại Tòa án tỉnh (% , TATC)	0	0	Tòa án tỉnh	
13	Tỉ lệ vụ việc kinh tế đã được giải quyết trong năm (% , TATC)	68	60	Tòa án tỉnh	

14	Tình hình an ninh trật tự tại tỉnh là Tốt(%)	48	55	Công an tỉnh và UBND các huyện, thị xã	
15	Tỉ lệ DN bị mất trộm tài sản năm qua (%)	22	18	Công an tỉnh và UBND các huyện, thị xã	
16	CQ công an hỗ trợ DN giải quyết hiệu quả vụ mất trộm tài sản(%)	58	65	Công an tỉnh và UBND các huyện, thị xã	
17	Phải trả tiền 'bảo kê' cho băng nhóm côn đồ, xã hội đen để yên ổn làm ăn(%)	5	3	Công an tỉnh và UBND các huyện, thị xã	